

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Minh T1, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố A, phường ĐH, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Phạm Thị Kim T2, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố A, phường ĐH, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T1 và bà Phạm Thị Kim T2 tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐH, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 02/2008, ngày 20/11/2008 của Ủy ban nhân dân phường ĐH là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông T1 và bà T2 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay ông T1 và bà T2 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông T1 và bà T2 vẫn giữ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh năm 10/02/2009. Ông T1 và bà T2 thỏa thuận, thống nhất giao con chung cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm được quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T1 và bà Phạm Thị Kim T2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 10/02/2009 cho ông Lê Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Kim T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Phạm Thị Kim T2 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Lê Minh T1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bà Phạm Thị Kim T2.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh T1 và bà Phạm Thị Kim T2 mỗi người nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001188 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường ĐH,
thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ VDS, VT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Châu Giang